TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2025/DS-ST
Ngày: 21-3-2025
V*/v:"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Thọ
2. Bà Âu Thị Kiều Sương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Nhật Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Vào ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 570/2024/TLST- DS ngày 19/12/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Ông Trương Quân P (Tên gọi khác: B), sinh năm 1977; Địa chỉ: Số C, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1972 và Ông Phan Thanh H, sinh năm: 1968, Địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải, bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2022 đến năm 2024, ông P có tham gia các dây hụi do bà T làm chủ. Cụ thể:

- Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 05/4/2022 (ÂL), khui 01 tháng 01 lần, 25 phần, tôi tham gia 01 phần, đã đóng hụi cho bà T 24 phần (mỗi lần khui là 750.000 đồng), tổng số tiền là 18.000.000 đồng.
- Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 30/9/2023 (ÂL), khui 01 tháng 01 lần, 21 phần, tôi tham gia 01 phần, đã đóng hụi cho bà T 06 phần (mỗi lần khui là 1.350.000 đồng), tổng số tiền là 8.100.000 đồng.

Đến ngày 14/4/2024, bà T bị vỡ hụi.

Ông Trương Quân P khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thanh T và ông Phan Thanh Hoàng liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 26.100.000 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn vắng mặt không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Huỳnh Thanh T và ông Phan Thanh H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, ông Trương Quân P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình tố tụng, Tòa án không có tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở; không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa (theo Công văn số 03/VKS-DS ngày 18/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành) theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn bà bà Huỳnh Thanh T, Phan Thanh H có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Trương Quân P khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thanh T và ông Phan Thanh Hoàng liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 26.100.000 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Trương Quân P cung cấp 02 giấy ghi danh sách hụi của hai dây hụi ngày 05/4/2022 (âm lịch) và 30/9/2023 (âm lịch); giấy thông báo tiền hụi ngày 29/10/2024; biên bản làm việc ngày 06/11/2024; Danh sách tiền hụi. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cùng hồ sơ khởi kiện (photo) của nguyên đơn cho bị đơn. Bị đơn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày, phản hồi lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Điều này cho thấy bị đơn mặc nhiên thừa nhận còn nợ hụi như nguyên đơn yêu cầu. Tại biên bản làm việc ngày 06/11/2024 tại UBND xã T, ông

Phan Thanh H thừa nhận ông H và bà T1 là vợ chồng và đã sống chung 30 năm nay, đồng ý trả nợ cho các hụi viên cùng với bà T. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định ông Trương Quân P có chơi hụi do bà T làm chủ và hiện tại bà T, ông H còn nợ số tiền hụi là 26.100.000 đồng. Do đó, Hội đồng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quân P buộc bà Huỳnh Thanh T1, ông Phan Thanh Hoàng liên đới trả cho ông Trương Quân P số tiền 26.100.000 đồng. Ông Trương Quân P tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Huỳnh Thanh T, ông Phan Thanh H phải liên đớiới chịu án phí theo quy định.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Trương Quân P

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 357; Điều 468; Điều 471 Bộ Luật dân sự 2015;

- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 227, Điều 228, Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 18; Điều 22; Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quân P đối với bà Huỳnh Thanh T và ông Phan Thanh H về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi. Buộc bà Huỳnh Thanh T và ông Phan Thanh H có trách nhiệm liên đớiới trả cho ông Trương Quân P số tiền hụi là 26.100.000 (Hai mươi sáu triệu một trăm nghìn) đồng. Ghi nhận ông Trương Quân P không yêu cầu tính lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Huỳnh Thanh T và ông Phan Thanh T2 phải liên đớiới chịu là 1.305.000 (Một triệu ba trăm lẻ năm nghìn) đồng.

- Hoàn trả lại cho ông Trương Quân P số tiền tạm ứng án phí là 652.000 (Sáu trăm năm mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006385 ngày 17/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND X. Trường Đa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Huỳnh Minh Hiền